TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI Đ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 99/2022/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đ, ngày 29 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 108 -2003 ngày 05/12/2003 của Uỷ ban nhân dân phường P Liên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị L, sinh năm 1974.

- Anh V, sinh năm 1971.

Cùng có HKTT tại: Số 100 ngõ 96 Đ, phường P, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: số 7, L7, K, xã An Khánh, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm*: Chị L và anh V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được anh chị xin được thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Chị L và anh V có 02 (Hai) con chung là cháu P, sinh ngày 24/9/2004 và cháu Đ, sinh ngày 07/4/2009. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung là cháu P và cháu Đ cho chị Lâm trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Việt tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ/tháng/cháu (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/01 tháng/01 cháu). Anh V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nhà đất*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Anh chị xác định không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp, anh chị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[5] *Về lệ phí*: Anh V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đối thoại thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh V .

- Về con chung: Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu P, sinh ngày 24/9/2004 và cháu Đ, sinh ngày 07/4/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ/tháng/cháu (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/01 tháng/01 cháu). Tổng hai cháu là 5.000 đồng (năm triệu đồng). Anh V có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản chung***: Chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Chị L và anh V khẳng định không có nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì anh chị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Xác định anh Việt đã nộp đủ tiền lệ phí tại biên lai số AA/2020/0015555 ngày 16/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *TAND. Thành phố Hà Nội;*
- *VKSND.H.Hoài Đ;*
- *UBND p.P (số 108/2003);*
- *Chi cục THADS H.Hoài Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Đỗ Văn Nghiêm